| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGỌC LẶC**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày 27/11/2018<br>V/v ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Viết Giảng
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đăng Thảnh
Ông Bùi Trung Thành

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 27/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1989 *(Có mặt)*
Nơi ĐKTT: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Bản E, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Anh Quách Văn T, sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/6/2018, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Quách Văn T kết hôn với nhau vào ngày 26/11/2007, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, nơi cư trú, sinh sống của anh T khi kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T, xã S, huyện N. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống với nhau đã lâu, đã chạy chữa nhiều nơi, cả đông y và tây y mà vẫn không có con, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, chửi bới nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình bố mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng năm 2010 và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo chị H, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa

án giải quyết cho chị H và anh Quách Văn T ly hôn. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Quách Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 140/TB-TLVA ngày 03/7/2018, nhưng anh T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị H; Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo về phiên hòa giải cho anh T, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là anh Quách Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn là chị Lê Thị H, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Do anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên chị H yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Quách Văn T là việc kiện về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định, Thông báo của Tòa án cho các đương sự, nhưng anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là chị Lê Thị H và bị đơn là anh Quách Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy mâu thuẫn vợ chồng theo chị H là do vợ chồng không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã dàn xếp, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho anh T, nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H và anh T ly hôn. Xét thấy, tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chị Lê Thị H và anh Quách Văn T ly hôn.

[3]. Về con chung, tài sản chung: Theo lời khai, tài liệu mà chị H cung cấp, chị H và anh T không có con chung; về tài sản chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Quách Văn T ly hôn.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004090 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị H đã nộp đủ.

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Quách Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Viết Giảng**